ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1464 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 14 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục và dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học cấp Tiểu học;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2183/ TTr-SGDĐT ngày 17/7/2023; đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2434/STC-HCSN ngày 30/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Danh mục thiết bị mua sắm

Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 cung cấp cho Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố *(chi tiết tại các phụ lục kèm theo).*

2. Dự toán mua sắm: 24.934.175.000 đồng, trong đó:

- Giá trị thiết bị: 24.785.134.000 đồng;

- Chi phí khác *(chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; thẩm định giá; đăng báo đấu thầu)*: 149.041.000 đồng.

3. Nguồn kinh phí mua sắm: từ nguồn kinh phí đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới trang bị cho các trường học trên địa bàn tỉnh *(kinh phí sự nghiệp giáo dục, đào tạo khác - hỗ trợ cơ sở vật chất và nhiệm vụ cơ chế chính sách giáo dục - mục 2.3).*

4. Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Thời gian thực hiện: năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hiệu quả, phù hợp của danh mục thiết bị mua sắm; tổ chức thực hiện các thủ tục mua sắm trang thiết bị tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban: KT-NS, VH-XH của HĐND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh,
các Phòng: KGVX, TH, KT, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX (NTH).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên

Phụ lục I

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU LỚP 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

1. Dự kiến số lớp 2 năm học 2023-2024: 661 lớp

2. Dự kiến số học sinh lớp 2 năm học 2023-2024 tổng hợp từ các đơn vị: 14.224 học sinh

TT TB	TT	Chủ đề dạy học: Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Số lượng thiết bị theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021	SỐ LƯỢNG THIẾT BỊ, KINH PHÍ MUA SẮM																
					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	I. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Tiếng Việt																							
	A	**Chủ đề Tập viết**																						
1	1	Bộ mẫu chữ viết	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu chữ viết để viết cho đúng, đẹp	a) Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học được phóng to, in 2 màu. Gồm 8 tờ, kích thước (540x790)mm, dung sai 10mm, in trên giấy couche, định lượng 200g/m2, cán láng OPP mờ, trong đó: - 4 tờ in bảng chữ cái viết thường, dấu thanh và chữ số; - 4 tờ in bảng chữ cái viết hoa. b) Mẫu chữ cái viết thường và chữ cái viết hoa đều được thể hiện ở 4 dạng: Chữ viết đứng, nét đều; chữ viết đứng, nét thanh, nét đậm; chữ viết nghiêng (15°), nét đều; chữ viết nghiêng, nét thanh, nét đậm.	X	X	1 bộ/lớp	Bộ	01/lớp	**661**	60	68	67	73	39	84	85	50	50	39	46	136.000	89.896.000	
	II. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Toán																							
		THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ																						
	A	**DỤNG CỤ**																						
	1	**SỐ VÀ PHÉP TÍNH**																						
2	1.1	Số tự nhiên: Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Giúp học sinh thực hành nhận biết số, đọc, viết, so sánh các số tự nhiên trong phạm vi từ 0 đến 1000	Gồm:																				
				a) Các thẻ chữ số từ 0 đến 9. Mỗi chữ số có 4 thẻ chữ, in chữ màu và gắn được lên bảng; kích thước mỗi thẻ (30x50)mm.		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	42.000	597.408.000	
				b) Thẻ dấu so sánh (lớn hơn, bé hơn, bằng); mỗi dấu 02 thẻ, in chữ màu và gắn được lên bảng; kích thước mỗi thẻ (30x50)mm.		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	5.000	71.120.000	
				c) 10 thanh chục khối lập phương (thanh chục khối lập phương là một tấm nhựa hình chữ nhật kích thước (15x150)mm, vẽ mô hình 3D của 10 khối lập phương được xếp thành một cột);		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	18.000	256.032.000	
				d) 10 bảng trăm (bảng trăm là một tấm nhựa hình vuông kích thước (150x150)mm, vẽ mô hình 3D của 100 khối lập phương được xếp thành 10 hàng, mỗi hàng gồm 10 hình lập phương);		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	55.000	782.320.000	

					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
				đ) 10 thẻ khối 1.000 (thẻ khối 1.000 là một tấm nhựa hình vuông vẽ mô hình 3D của 1000 khối lập phương, mỗi khối lập phương có kích thước (15x15x15)mm), tạo thành một mô hình 3D của khối lập phương có kích thước (150x150x150)mm;		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	58.000	824.992.000	
				Vật liệu: Tất cả các thiết bị trên được làm bằng nhựa (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.																				
3	1.2	Phép tính: Bộ thiết bị dạy phép tính	HS thực hành cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, cộng trừ (không nhớ, có nhớ) trong phạm vi 1000. Phép nhân, phép chia (bảng nhân 2, 5, bảng chia 2,5)	Bộ thiết bị dạy phép tính số gồm:																				
				a) Thẻ dấu phép tính (cộng, trừ, nhân, chia); mỗi dấu 02 thẻ, in chữ màu và gắn được lên bảng; kích thước mỗi thẻ (30x50) mm.		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	15.000	213.360.000	
				b) 20 que tính: Dài 100mm; tiết diện ngang 3mm (như đã mô tả trong 1.1.b);		X	1 bộ/HS	Bộ		**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	8.000	113.792.000	
				c) 10 thẻ mỗi thẻ 2 chấm tròn, 10 thẻ mỗi thẻ 5 chấm tròn, đường kính mỗi chấm tròn trong thẻ 15mm.		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	26.000	369.824.000	
				Vật liệu: Tất cả các thiết bị được làm bằng nhựa (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.																				
	2	**HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**																						
4	2.1	Khối lượng: Bộ thiết bị dạy khối lượng	Giúp học sinh thực hành cân	Bộ thiết bị dạy khối lượng gồm: - 01 cân đĩa loại 5kg; - 01 hộp quả cân loại: 10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg; 2kg (mỗi loại 2 quả).	X		4 Bộ/ lớp	Bộ	01/lớp	**661**	60	68	67	73	39	84	85	50	50	39	46	2.250.000	1.487.250.000	Trang bị 01 bộ/lớp vì có nhiều điểm trường và có nhiều trường chỉ có 01 lớp 2
5	2.2	Dung tích: Bộ thiết bị dạy dung tích	Giúp học sinh thực hành đo dung tích	Bộ thiết bị dạy dung tích gồm: - 01 chai 1 lít, có 10 vạch chia ghi các số 100; 200; 300; …; 1.000; - 01 ca 1 lít, có 10 vạch chia ghi các số 100; 200; 300; …; 1.000.	X		4 bộ/ lớp	Bộ	01/lớp	**658**	60	68	64	73	39	84	85	50	50	39	46	45.000	29.610.000	Huyện Cao Lộc đề xuất thấp hơn định mức, tổng hợp theo đề xuất của đơn vị
	B	**MÔ HÌNH**																						
	1	**HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**																						
				Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối gồm:																				

					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
6	1	Hình phẳng và hình khối: Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	Giúp học sinh thực hành nhận dạng hình phẳng và hình khối, lắp ghép xếp hình	a) Các hình phẳng gồm: 6 hình tam giác đều cạnh 40mm; 4 hình tam giác vuông cân có cạnh góc vuông 50mm; 2 hình tam giác vuông có 2 cạnh góc vuông 40mm và 60mm; 10 hình vuông kích thước (40x40) mm; 8 hình tròn đường kính 40mm, 2 hình chữ nhật kích thước (40x80)mm. Các hình có độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm.		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	85.000	1.209.040.000	
				b) 4 hình tứ giác khác nhau (cạnh ngắn nhất 30mm, cạnh dài nhất 70mm, độ dầy của vật liệu tối thiểu là 2mm)		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	9.000	128.016.000	
				c) 4 khối lập phương kích thước (40x40x40) mm; 4 khối trụ kích thước phi 40mm (trong đó, 2 cái cao 40mm, 2 cái cao 60mm); 4 khối cầu kích thước (đường kính 40mm); 4 khối cầu kích thước (đường kính 60mm);		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	65.000	924.560.000	
				d) 04 khối hộp chữ nhật kích thước (40x40x60)mm;		X	1 bộ/HS	Bộ	01/HS	**14.224**	1.150	945	1.455	1.482	519	2.313	1.684	1.030	1.925	779	942	38.000	540.512.000	
				Vật liệu: Bằng nhựa, gỗ (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.																				
7	2	Thời gian: Thiết bị trong dạy học về thời gian	Giúp học sinh thực hành xem đồng hồ	Mô hình đồng hồ đường kính 300mm có kim giờ, kim phút và có thể quay đồng bộ với nhau, trên mặt đồng hồ có 60 vạch để chỉ 60 phút.	X		1 chiếc/ lớp	Chiếc	01/ lớp	**661**	60	68	67	73	39	84	85	50	50	39	46	310.000	204.910.000	
	III. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Đạo Đức																							
	A	**Tranh ảnh**																						
		Chủ đề: Yêu nước																						
8	1	Quê hương em: Bộ tranh về quê hương em	HS nhận biết được một số việc làm thể hiện tình yêu quê hương	Bộ tranh thực hành gồm 04 tờ, kích thước (148x210) mm, nội dung tranh thể hiện: - Chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương (trồng cây, dọn vệ sinh khu phố,ngõ xóm). - Kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương (thăm nghĩa trang liệt sĩ, chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng).	X	X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	01/5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	18.000	51.210.000	
		Chủ đề: Nhân ái																						
9	2	Kính trọng thầy giáo, cô giáo vav yêu quý bạn bè: Bộ tranh về Kính trọng thầy giáo, cô giáo	Giáo dục ý thức, hành vi kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	'Bộ tranh thực hành gồm 04 tờ, kích thước (148x210)mm, nội dung tranh thể hiện: - Kính trọng thầy giáo, cô giáo (vâng lời thầy, cô; thăm hỏi khi thầy, cô bị ốm hoặc nhân ngày 20/11); - Yêu quý bạn bè (giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn).		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	01/5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	23.400	66.573.000	

					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		Chủ đề: Chăm chỉ																						
10	3	Quý trọng thời gian: Bộ tranh về quý trọng thời gian	Giáo dục ý thức, hành vi quý trọng thời gian	Bộ tranh thực hành gồm 04 tờ, kích thước (148x210)mm, nội dung tranh thể hiện thái độ, hành vi đúng và chưa đúng: - Đi học đúng giờ/không đúng giờ. - Ăn, ngủ đúng giờ/không đúng giờ.	X	X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	01/5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	23.400	66.573.000	
		Chủ đề: Trung thực																						
11	4	Nhận lỗi và sửa lỗi: Bộ tranh về Nhận lỗi và sửa lỗi	Giáo dục ý thức, hành vi nhận lỗi và sửa lỗi	Bộ tranh thực hành gồm 02 tờ, kích thước (148x210)mm, nội dung tranh thể hiện thái độ, hành vi biết/ không biết nhận lỗi và sửa lỗi: - Khi ở trường (tự ý lấy đồ dùng học tập của bạn); - Khi ở nhà (làm vỡ bình hoa).	X	X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	01/5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	12.600	35.847.000	
		Chủ đề: Trách nhiệm																						
12	5	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình: Bộ tranh về bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.	HS phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng trong việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.	'Bộ tranh thực hành gồm 02 tờ, kích thước (148x210)mm, nội dung tranh thể hiện hành vi đúng và chưa đúng trong việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình: - Bảo quản đồ dùng cá nhân (sách, vở, đồ dùng học tập); - Bảo quản đồ dùng gia đình (bát đĩa, nồi cơm điện, bàn ghế, tủ).	X	X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	12.600	35.847.000	
		Chủ đề: Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân																						
13	6	Thể hiện cảm xúc bản thân: Bộ tranh về thể hiện cảm xúc bản thân	Giáo dục kĩ năng thể hiện cảm xúc bản thân	'Bộ tranh thực hành gồm 02 tờ, kích thước (148x210)mm, nội dung tranh thể hiện: - Thể hiện cảm xúc tích cực (vui sướng khi được nhận quà); - Kiềm chế cảm xúc tiêu cực (giận dữ khi bị bạn xô ngã hoặc làm hỏng đồ dùng học tập của mình).	X	X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	14.400	40.968.000	Dùng cho lớp 2, 3
		Chủ đề: Kĩ năng tự bảo vệ																						
14	7	Tìm kiếm sự hỗ trợ: Bộ tranh về tìm kiếm sự hỗ trợ.	Giáo dục kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.	'Bộ tranh thực hành gồm 02 tờ, kích thước (148x210)mm, nội dung tranh thể hiện biết và không biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi: - Lạc đường; - Người lạ cho quà và rủ đi chơi.	X	X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	14.400	40.968.000	
		Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật																						
		Tuân thủ quy định nơi công	HS phân biệt được hành vi tuân thủ và	'Bộ tranh thực hành gồm 02 tờ, kích thước (148x210)mm, nội dung tranh thể hiện thái độ, hành vi biết và không biết tuân thủ quy định nơi công cộng:																				

					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
15	8	cộng: Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng	tuân thủ và hành vi chưa tuân thủ quy định nơi công cộng	- Tuân thủ quy định an toàn giao thông (đi bộ, ngồi sau xe máy, đèn hiệu); - Tuân thủ quy định giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.	X	X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	14.400	40.968.000	
	IV. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Tự nhiên và Xã hội																							
	A	**Tranh ảnh**																						
	A.I	**Chủ đề gia đình**																						
16	1	Các thế hệ trong gia đình: Bộ tranh các thế hệ trong gia đình	HS thực hành xây dựng sơ đồ các thế hệ trong gia đình	Bộ tranh bao gồm 8 tờ về các thành viên trong gia đình: Ông, bà; bố, mẹ; con trai (2 tờ), con gái (2 tờ). Kích thước mỗi tranh (148x210)mm		X	1 bộ/6HS	Bộ	1 bộ/ 6 HS	**2.374**	192	158	243	247	87	386	281	172	321	130	157	36.000	85.464.000	
17	2	Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình: Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Giúp học sinh hình thành được biểu tượng ban đầu về một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Một bộ gồm 20 tờ tranh rời minh họa các nghề: 2 tranh về nông dân (chăn nuôi, trồng trọt); 3 tranh về công nhân (xây dựng, thợ hàn, trong nhà máy dệt); 3 tranh về nghề thủ công (nghề gốm, đan lát mây tre, dệt thổ cẩm); 1 tranh về công nhân làm vệ sinh môi trường; 3 tranh về buôn bán (bán hàng ở chợ, siêu thị, thu ngân ở siêu thị); 2 tranh về lái xe (taxi, xe ôm); 1 tranh về thợ may; 1 tranh về đầu bếp, 1 tranh về giáo viên; 1 tranh về bác sĩ; 1 tranh về công an; 1 tranh về bộ đội. Kích thước mỗi tranh (148x210)mm.		X	1 bộ/4đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	91.800	261.171.000	
	A.II	**Chủ đề: Cộng đồng địa phương**																						
18	3	Hoạt động mua bán hàng hóa: Bộ thẻ Mệnh giá tiền Việt Nam	Giúp học sinh thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua bán hàng hoá	Bộ thẻ minh họa những nét cơ bản của đồng tiền Việt nam, không in ảnh Bác Hồ, in màu trên nhựa (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng. Gồm các mệnh giá: 1.000 đồng: 5 thẻ, 2.000 đồng: 5 thẻ, 5.000 đồng: 5 thẻ, 10.000 đồng: 5 thẻ, 20.000 đồng: 3 thẻ, 50.000 đồng: 3 thẻ, 100.000 đồng: 2 thẻ, 200.000 đồng: 1 thẻ và 500.000 đồng: 1 thẻ. Kích thước các thẻ là (40x90)mm.		X	bộ	Bộ	1 bộ/ 6 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	54.000	153.630.000	Dùng chung với HĐTN (tại HĐTN là 1 bộ/4 đến 6 HS). Đã trang bị ở ND này nên không trang bị ở Thiết bị dùng chung
	A.III	**Chủ đề: Con người và sức khỏe**																						
19	4	Cơ quan vận động: Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	- 01 tranh câm về bộ xương cơ thể người, kích thước (790x540) mm dung sai 10mm. - 12 thẻ cải tranh. Mỗi thẻ ghi tên một nhóm xương chính hoặc một khớp xương (Xương đầu, Xương vai, Xương tay, Xương cột sống, Xương sườn, Xương chậu, Xương chân, Khớp sống cổ, Khớp vai, Khớp khuỷu tay. Khớp háng, Khớp đầu gối). Kích thước (30x80)mm, in một màu, trên giấy couche có định lượng 150g/m2, cán láng OPP mờ.		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	39.600	112.662.000	
			Giúp học	- 01 tranh câm về hệ cơ người, kích thước (790x540) mm dung sai 10mm																				

					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
20	5	Cơ quan vận động: Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	- 8 thẻ cài tranh. Mỗi thẻ ghi tên một nhóm cơ chính (Cơ mặt, Cơ cổ, Cơ vai, Cơ ngực, Cơ lưng, Cơ tay, Cơ bụng, Cơ đùi). Kích thước (30x80)mm, in một màu, trên giấy couche có định lượng 150g/m2, cán láng OPP mờ.		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	39.600	112.662.000	
21	6	Cơ quan hô hấp: Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	- 01 tranh câm về các bộ phận chính của cơ quan hô hấp người, kích thước (790x540) mm dung sai 10mm. - 4 thẻ cài tranh. Mỗi thẻ ghi tên một bộ phận chính của cơ quan hô hấp (Mũi, Khí quản, Phế quản, Phổi). Kích thước (30x80)mm, in một màu, trên giấy couche có định lượng 150g/m2, cán láng OPP mờ (hoặc in màu trên nhựa).		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	39.600	112.662.000	
22	7	Cơ quan bài tiết nước tiểu: Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	- 01 tranh câm về các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu người, kích thước (790x540) mm dung sai 10mm. - 4 thẻ cài tranh. Mỗi thẻ ghi tên một bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu (Thận, Ống dẫn nước tiểu, Bóng đái, Ống đái). Kích thước (30x80)mm, in một màu, trên giấy couche có định lượng 150g/m2, cán láng OPP mờ (hoặc in màu trên nhựa).		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	39.600	112.662.000	
	A.IV	**Trái Đất và bầu trời**																						
23	8	Các mùa trong năm: Bốn mùa	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	Một bộ gồm 4 tờ tranh. Mỗi tranh minh họa về một mùa: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông. Kích thước mỗi tranh (148x210)mm.		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	39.600	112.662.000	
24	9	Các mùa trong năm: Mùa mưa và mùa khô	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	Một bộ gồm 2 tờ tranh, mỗi tranh minh họa một mùa: mùa mưa, mùa khô. Kích thước mỗi tranh (148x210)mm.		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	12.600	35.847.000	
25	10	Các hiện tượng thiên tai thường gặp: Một số hiện tượng thiên tai thường gặp	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	Một bộ gồm 5 tranh mô tả một số hiện tượng thiên tai. Mỗi tranh mô tả một hiện tượng thiên tai: bão; lũ; lụt; giông sét; hạn hán. Kích thước mỗi tranh (148x210)mm.		X	1 bộ/4 đến 6HS	Bộ	1 bộ/ 5 HS	**2.845**	230	189	291	296	104	463	337	206	385	156	188	28.800	81.936.000	
	B	**MÔ HÌNH, VẬT MẪU**																						
	B.II	**Chủ đề Con người và sức khỏe**																						
26	11	Cơ quan vận động: Mô hình Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình Bộ xương người	Chất dẻo PVC hoặc tương đương; có giá đỡ; Tháo lắp được hộp sọ, xương tay (chỗ khớp vai), xương chân (chỗ khớp háng) - Kích thước tối thiểu: 85cm	X		1 bộ/1 PHBM	Bộ	1 bộ/1 PHBM	**248**	22	21	23	25	16	29	32	26	11	19	24	1.660.000	411.680.000	Dự kiến trang bị cho điểm trường chính trước

					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
27	12	Cơ quan vận động: Mô hình Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình hệ cơ người	Chất dẻo PVC hoặc tương; có 27 bộ phận và giá đỡ. Kích thước tối thiểu 80 cm	X		1 bộ/1 PHBM	Bộ	1 bộ/1 PHBM	**248**	22	21	23	25	16	29	32	26	11	19	24	9.500.000	2.356.000.000	Dự kiến trang bị cho điểm trường chính trước
28	13	Cơ quan hô hấp, cơ quan bài tiết nước tiểu, cơ quan tiêu hóa, cơ quan tuần hoàn, cơ quan thần kinh: Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng: (bán thân)	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng người	Chất dẻo PVC hoặc tương đương. Tháo lắp được để nhận biết: não; tim, động mạch, tĩnh mạch; 2 lá phổi; dạ dày, gan, ruột; 2 quả thận. Kích thước tối thiểu: 42 cm.	X		1 bộ/1 PHBM	Bộ	1 bộ/1 PHBM	**248**	22	21	23	25	16	29	32	26	11	19	24	2.620.000	649.760.000	Dùng cho lớp 2, 3 (lớp 3 học về cơ quan thần kinh, tuần hoàn và tiêu hóa)
	V. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục thể chất																							
	A	**THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN (Chỉ trang bị những dụng cụ/thiết bị tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)**																						
		Cờ vua																						
29	1	Bàn cờ, quân cờ	Dùng cho học sinh học và tập luyện môn cờ vua	Bàn cờ: Hình vuông, chất liệu bằng gỗ hoặc chất liệu khác phù hợp. Kích thước (400x400)mm. Quân cờ: chất liệu bằng nhựa hoặc chất liệu khác phù hợp, kích thước: Vua cao 80mm, đế 25mm; Binh cao 33mm, đế 20mm (Theo tiêu chuẩn qui định, loại dùng cho tập luyện).		X	20/GV	Bộ	1 bộ/lớp	**606**	60	68	67	73	39	29	85	50	50	39	46	360.000	218.160.000	Dự kiến mua cho mỗi lớp 01 bộ.
30	2	Bàn và quân cờ treo tường	Dùng cho giáo viên giảng dạy môn cờ vua	- Bàn cờ: Hình vuông, chất liệu mặt bàn bằng kim loại có từ tính, kích thước (800x800)mm, có móc treo; - Quân cờ: chất liệu bằng nhựa hoặc chất liệu khác phù hợp, kích thước phù hợp với các ô trên bàn cờ, có nam châm gắn mặt sau. (Theo tiêu chuẩn qui định, loại dùng cho tập luyện).	X		01 bộ/GV	Bộ	01/GV	**270**	24	33	24	28	16	28	30	22	16	23	26	990.000	267.300.000	Dự kiến trang bị theo số biên chế hiện có của giáo viên thể dục, trang bị theo thông tư 01 bộ/GV.
	B	**THIẾT BỊ DÙNG CHUNG**																						
31	3	Dây kéo co	Dùng để luyện tập, bổ trợ thể lực, vui chơi	Dạng sợi quấn, chất liệu bằng các sợi dây hoặc sợi nilon, đường kính sợi khoảng 21-25mm, chiều dài tối thiểu 20.000mm (20m).	X	X	2 cuộn/ trường	Cuộn	01/ điểm trường chính	**248**	22	21	23	25	16	29	32	26	11	19	24	980.000	243.040.000	Nội dung này khi tổ chức cần nhiều HS tham gia và thường được tổ chức nhân dịp các sự kiện, do vậy dự kiến trang bị 01 cuộn/điểm trường chính.
	VI. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Nghệ thuật (Âm nhạc-Mĩ thuật)																							
	VI.2. Phân môn Mĩ thuật (Số lượng tính cho một phòng học bộ môn)																							

					GV	HS		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị mua sắm	Tổng số lượng thiết bị mua sắm	Bắc Sơn	Bình Gia	Cao Lộc	Chi Lăng	Đình Lập	Hữu Lũng	Lộc Bình	Tràng Định	Thành phố	Văn Lãng	Văn Quan	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		THIẾT BỊ DÙNG CHUNG																						
32	1	Bút lông	Học sinh thực hành	- Loại tròn, thông dụng, số lượng: 6 cái (từ số 2 đến số 7 hoặc 2, 4, 6, 8, 10, 12); - Loại bẹt/dẹt, thông dụng, số lượng 6 cái (từ số 1 đến số 6 hoặc 2, 4, 6, 8, 10, 12).		X	35	Bộ	5 bộ/điểm trường chính	**1.240**	110	105	115	125	80	145	160	130	55	95	120	85.000	105.400.000	Dùng cho lớp: 2, 3, 4, 5. Dự kiến trang bị 5 bộ/điểm trường chính
33	2	Bảng pha màu(Palet)	Học sinh thực hành	- Chất liệu: Bằng gỗ hoặc nhựa, bề mặt phẳng, không cong, vênh, không thấm nước, an toàn trong sử dụng; - Kích thước tối thiểu: (200x300x2,5mm).		X	35	Cái	5 cái/điểm trường chính	**1.240**	110	105	115	125	80	145	160	130	55	95	120	72.000	89.280.000	Dùng cho lớp 2, 3, 4,5. Dự kiến trang bị 5 cái/điểm trường chính
34	3	Xô đựng nước	Học sinh thực hành.	- Loại thông dụng bằng nhựa, có quai xách, an toàn trong sử dụng; - Dung tích tối thiểu khoảng 2 lít nước.		X	35	Cái	5 cái/điểm trường chính	**1.240**	110	105	115	125	80	145	160	130	55	95	120	117.000	145.080.000	Dùng cho lớp 2, 3, 4, 5. Dự kiến trang bị 5 cái/điểm trường chính
35	4	Tủ/ giá	Bảo quản sản phẩm, đồ dùng, công cụ học tập	Chất liệu bằng sắt hoặc gỗ; kích thước (1760x1060x400)mm; ngăn đựng có thể thay đổi được chiều cao; cửa có khóa; chắc chắn, bền vững, đảm bảo an toàn khi sử dụng.	X	X	3	Cái	3	**752**	66	63	70	75	50	87	87	92	33	57	72	3.950.000	2.970.400.000	Dùng cho lớp 2, 3, 4, 5;
36	5	Màu goát (Gouache colour)	Học sinh thực hành	Bộ màu loại thông dụng, an toàn trong sử dụng, không có chất độc hại. Gồm 12 màu, đóng gói riêng cho từng màu: - Gồm các màu: đỏ, vàng, tím, xanh cô ban, xanh lá cây, xanh lục, cam, hồng, đen, trắng, nâu, xanh da trời; - Mỗi loại màu có dung tích tối thiểu 200ml, các màu được đóng gói trong hộp kín, đảm bảo an toàn và thuận lợi trong sử dụng.		X	12	Bộ	5 bộ/điểm trường chính	**1.240**	110	105	115	125	80	145	160	130	55	95	120	792.000	982.080.000	Dùng cho lớp 2, 3, 4, 5; Đề xuất 5 bộ/điểm trường chính
	VII. Danh mục thiết bị dùng chung																							
	Thiết bị trình chiếu		Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn các thiết bị dưới đây cho phù hợp).																					
37	1	Màn hình hiển thị: Ti vi	Trình chiếu	Màn hình hiển thị: - Loại thông dụng, màn hình 65 inch, Full HD; - Có đủ cổng kết nối phù hợp; - Có ngôn ngữ hiển thị Tiếng Việt; - Điều khiển từ xa; - Nguồn điện: AC 90V-220V/50Hz.	X		Bộ	Bộ		**248**	22	21	23	25	16	29	32	26	11	19	24	28.000.000	6.944.000.000	Dự kiến trang bị 01 bộ/điểm trường chính vì các điểm trường lẻ hầu như không có bảo vệ do vậy không đảm bảo an toàn.
	Cộng									**231.896**	**18.842**	**15.672**	**23.651**	**24.156**	**8.744**	**37.218**	**27.560**	**17.048**	**30.540**	**12.880**	**15.585**		**24.785.134.000**	

Danh sách ấn định: 37 danh mục thiết bị.

Phụ lục II

TỔNG HỢP DỰ TOÁN MUA SẮM THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU LỚP 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464 /QĐ-UBND ngày 14 /9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Cách tính	Thành tiền
	TỔNG CỘNG		**24.934.175.000**
I	**Giá thiết bị**		**24.785.134.000**
1	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2		24.785.134.000
II	**Chi phí khác**		**149.041.000**
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Gtb x 0,1%	24.785.000
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Gtb x 0,05%	12.393.000
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Gtb x 0,1%	24.785.000
4	Chi phí thẩm định kết quả hồ sơ dự thầu	Gtb x 0,05%	12.393.000
5	Chi phí thẩm định giá	Gtb x 0,3%	74.355.000
6	Chi phí đăng thông tin đấu thầu	Hóa đơn	330.000